

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1933/2011/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1933/2011/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chứa quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện ban hành.

2. Văn bản được kiểm tra, xử lý gồm:

a) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (như: công văn, thông báo, quy định, kế hoạch, điều lệ...) do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp ban hành; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành.

b) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành (như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã...).

c) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện

ban hành.

Điều 2. Gửi và công bố việc xử lý văn bản trái pháp luật

1. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nơi nhận của văn bản trái pháp luật và cơ quan, cá nhân đề nghị xử lý văn bản.

2. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật phải được đăng Công báo, Trang thông tin điện tử của tỉnh (đối với văn bản cấp tỉnh) hoặc niêm yết tại trụ sở cơ quan ban hành (đối với văn bản cấp huyện, xã, văn bản của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện). Ngoài ra còn niêm yết tại Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn (đối với văn bản cấp huyện); niêm yết tại khu phố, thôn, buôn trên địa bàn (đối với văn bản cấp xã) chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử lý. Thời gian niêm yết tối thiểu 20 ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết, văn bản niêm yết phải là bản chính.

Điều 3. Hình thức xử lý văn bản

Văn bản không còn phù hợp hoặc trái pháp luật được xử lý bằng hình thức đình chỉ thi hành, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính văn bản:

1. Đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản trong trường hợp nội dung sai trái đó nếu chưa được sửa đổi, bãi bỏ, hủy bỏ kịp thời và nếu tiếp tục thực hiện thì có thể gây hậu quả nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản được ban hành trái thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật ngay từ thời điểm ban hành văn bản. Văn bản chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 1 Quy định này đều xử lý bằng hình thức hủy bỏ.

3. Thay thế một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản áp dụng trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản làm căn cứ ban hành văn bản được kiểm tra đã được thay thế bằng văn bản khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến nội dung của văn bản không còn phù hợp với pháp luật hiện hành hoặc tình hình kinh tế - xã hội thay đổi cần phải có quy định khác thay thế một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản đó.

4. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản áp dụng trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản làm căn cứ ban hành văn bản được kiểm tra đã được thay thế bằng văn bản khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến

nội dung của văn bản không còn phù hợp với pháp luật hiện hành hoặc tình hình kinh tế - xã hội thay đổi và không cần phải có quy định khác thay thế nội dung đó.

5. Sửa đổi, bổ sung trong trường hợp văn bản được ban hành đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức, nhưng có một phần nội dung không phù hợp với nội dung văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên mới được ban hành hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và cần phải có quy định khác thay thế nội dung đó.

6. Đính chính văn bản trong trường hợp văn bản chỉ sai về căn cứ pháp lý được viện dẫn, thể thức, kỹ thuật trình bày còn nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật thì đính chính đối với những sai sót đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Văn bản trái pháp luật tỉnh, cấp huyện, cấp xã là văn bản mà tại thời điểm ban hành trái thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung, không đúng thẩm quyền ký ban hành văn bản, trái với văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, cấp trên, văn bản Ủy ban nhân dân trái với văn bản Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Văn bản không còn phù hợp là văn bản tại thời điểm ban hành đúng thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung, đúng thẩm quyền ký ban hành văn bản, văn bản Ủy ban nhân dân phù hợp với văn bản Hội đồng nhân dân cùng cấp, phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương, nhưng sau một thời gian áp dụng, đến một thời điểm nhất định, văn bản không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương; văn bản cấp trên, văn bản Trung ương, văn bản làm căn cứ ban hành văn bản thay đổi, dẫn đến nội dung văn bản không còn phù hợp.

Chương II **TỰ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN**

Điều 5. Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản

1. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tự kiểm tra văn bản. Bao gồm:

a) Quyết định, chỉ thị quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện ban hành.

b) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (như: công văn, thông báo, quy định, chương trình, kế hoạch, điều lệ...) do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp

huyện ban hành.

c) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành (như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện).

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện (nếu cấp huyện còn Hội đồng nhân dân thì Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện kiểm tra văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp ban hành.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện tự kiểm tra văn bản. Bao gồm:

a) Quyết định, chỉ thị quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện ban hành thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.

b) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện và cơ quan mình ban hành thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.

c) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện và cơ quan mình ban hành thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.

Cộng tác viên kiểm tra văn bản hoặc Phòng Pháp chế, cán bộ chuyên trách pháp chế giúp Thủ trưởng cơ quan tự kiểm tra văn bản thuộc ngành, lĩnh vực cơ quan mình quản lý. Nếu cơ quan chưa có cộng tác viên kiểm tra văn bản, Phòng Pháp chế, cán bộ chuyên trách công tác pháp chế, thì Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm tự kiểm tra văn bản.

4. Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã làm đầu mối giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tự kiểm tra văn bản. Bao gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, chỉ thị quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

b) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (như: công văn, thông báo, quy định, chương trình, kế hoạch, điều lệ...) do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp xã ban hành.

c) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

5. Công chức cấp xã chuyên trách lĩnh vực văn bản điều chỉnh, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tự kiểm tra văn bản Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc ngành, lĩnh vực chuyên trách của mình.

Điều 6. Gửi văn bản tự kiểm tra

1. Văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ký ban hành, đơn vị phát hành phải gửi văn bản cho đơn vị, cá nhân sau để tổ chức tự kiểm tra văn bản. Cụ thể: gửi Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực văn bản điều chỉnh (văn bản cấp tỉnh); Phòng Tư pháp, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý ngành, lĩnh vực văn bản điều chỉnh (văn bản cấp huyện); công chức Tư pháp - Hộ tịch, công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực văn bản điều chỉnh (văn bản cấp xã).

2. Cơ quan phát hành văn bản ghi vào nơi nhận của văn bản phát hành tên cơ quan, cá nhân được phân công kiểm tra văn bản theo khoản 1, 2 Điều này.

Điều 7. Xử lý văn bản tự kiểm tra

1. Khi phát hiện văn bản trái pháp luật hoặc không còn phù hợp theo khoản 1, 4 Điều 5 Quy định này, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch trực tiếp thông báo, kiến nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật, thông báo đồng thời gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (đối với văn bản cơ quan chuyên môn cấp huyện hoặc cấp tỉnh).

2. Khi các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân; công chức chuyên trách cấp xã phát hiện văn bản thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý trái pháp luật, thì kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp (văn bản cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (văn bản cấp huyện), công chức Tư pháp - Hộ tịch (văn bản cấp xã); thông báo nêu rõ: số, ký hiệu, ngày tháng năm, loại, trích yếu văn bản trái pháp luật, nội dung trái pháp luật, hình thức xử lý văn bản... Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp hoặc công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp, trao đổi cơ quan, người đã thông báo văn bản trái pháp luật để thống nhất những nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp, thống nhất các biện pháp xử lý để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý văn bản.

Khi phát hiện văn bản do mình ban hành trái pháp luật, thì tiến hành xử lý và gửi kết quả xử lý cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Sở Tư pháp (cơ quan

chuyên môn cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (cơ quan chuyên môn cấp huyện).

3. Khi phát hiện văn bản do Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp ban hành trái pháp luật, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cùng cấp thông báo Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp tự xử lý văn bản, thông báo đồng thời gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Kết quả xử lý văn bản của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp gửi Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Đối với văn bản trái pháp luật, báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Xem xét, đánh giá nội dung, mức độ trái pháp luật của văn bản và hướng xử lý; biện pháp khắc phục hậu quả do văn bản gây ra (nếu có); thời hạn xử lý đối với văn bản đó.

b) Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của cán bộ, công chức tham mưu soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua văn bản.

5. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời văn bản trái pháp luật đã ban hành.

Điều 8. Thẩm quyền xử lý văn bản tự kiểm tra

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tự xử lý văn bản do mình ban hành không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

2. Quá thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo xử lý văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân ban hành mà không thực hiện tự kiểm tra, xử lý, cơ quan thông báo xử lý văn bản kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý văn bản tiếp theo.

3. Quá thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo xử lý văn bản trái pháp luật hoặc không còn phù hợp của cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ban hành mà không tự kiểm tra, xử lý, thì Trưởng Phòng Tư pháp gửi thông báo Sở Tư pháp. Giám đốc Sở Tư pháp tiến hành tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản theo thẩm quyền.

Chương III KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN

Điều 9. Thẩm quyền kiểm tra văn bản

1. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản. Bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

b) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

c) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành (như: Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

d) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện ban hành.

2. Trưởng Phòng Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức kiểm tra văn bản. Bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

b) Văn bản có nội dung chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

c) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành (như: Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 10. Gửi văn bản kiểm tra

Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định sau đây:

1. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến Sở Tư pháp.

2. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Phòng Tư pháp.

Điều 11. Xử lý văn bản

1. Khi kiểm tra, phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp thông báo để cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tự kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan đã gửi thông báo kiểm tra văn bản.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện tự xử lý văn bản do mình ban hành không còn phù hợp hoặc trái pháp luật khi nhận được thông báo của cơ quan kiểm tra văn bản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

3. Hết thời hạn xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu cơ quan, người có thẩm quyền không tổ chức tự kiểm tra, xử lý hoặc cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản không nhất trí với kết quả tự xử lý, thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản tiến hành xử lý văn bản, hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp huyện để xem xét, xử lý theo thẩm quyền tiếp theo.

4. Hội đồng nhân dân cấp huyện xử lý văn bản không còn phù hợp, trái pháp luật do mình ban hành hoặc Hội đồng nhân dân cấp dưới ban hành, được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý văn bản tiếp theo

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền:

a) Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND cấp huyện.

b) Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp huyện và đề nghị HĐND cấp tỉnh hủy bỏ hoặc bãi bỏ theo quy định.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền:

a) Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND cấp xã.

b) Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp xã và đề nghị HĐND cấp huyện hủy bỏ hoặc bãi bỏ. Trường hợp cấp huyện đang thí điểm

không tổ chức Hội đồng nhân dân, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân đề nghị HĐND cấp tỉnh bãi bỏ hoặc hủy bỏ Nghị quyết của HĐND cấp xã.

3. Giám đốc Sở Tư pháp có thẩm quyền:

Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản có nội dung và thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. Đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trưởng Phòng Tư pháp có thẩm quyền:

Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản có nội dung và thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. Đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm báo cáo về công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo 6 (sáu) tháng và hàng năm về công tác tự kiểm tra, kiểm tra và xử lý văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác tự kiểm tra, kiểm tra, xử lý văn bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tư pháp. Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác kiểm tra, tự kiểm tra, xử lý văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tư pháp.

Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 5 đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 11 đối với báo cáo hàng năm. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp đưa vào báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Những nội dung về kiểm tra, tự kiểm tra và xử lý văn bản không quy định tại Quy định này, thì áp dụng Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định 40/2010/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Sở Tư pháp để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự